

Bản án số: 64/2020/HS-ST.

Ngày: 09 - 9 - 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Chi.

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2020/TLST-HS, ngày 14 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Minh L, sinh năm 1998 tại huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Nơi cư trú: Số nhà 217, ấp T, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Võ Hoàng D; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án 02 lần vào các năm 2016 và 2018, về hành vi trộm cắp tài sản; tiền sự: 02 lần vào các năm 2017 và 2019; nhân thân: Có tiền án, tiền sự (chưa được xóa án tích); bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/7/2020 đến nay, bị cáo có mặt.

- Bị hại: Anh Lê Thanh H (chết).

Người đại diện theo pháp luật của anh H: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1970 (vợ bị hại); nơi cư trú: Số nhà 32, đường P, Khóm H, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

- Người làm chứng: Anh Huỳnh Trúc S, sinh năm 1997; nơi cư trú: Số nhà

215, ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Minh L, sinh năm 1998 là đối tượng có 01 tiền án về hành vi trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích. Vào khoảng 22 giờ, ngày 01/4/2020, Lê Minh L đi bộ đến nhà của Huỳnh Trúc S tại ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, tại đây L và S có sử dụng chất ma túy chung với nhau, đến khoảng 01 giờ ngày 02/4/2020 S rủ L đi tìm tài sản trộm cắp lấy tiền mua ma túy sử dụng nên L đồng ý. S lấy xe mô tô của mẹ S tên Nguyễn Thị T, biển kiểm soát số 64B1- 411.27 chở L đi, đến Phường C, thành phố V, S chạy vô hẻm 29 ra đường bờ kè Sông Tiền rồi dừng xe lại, L ở bên ngoài đầu đường giữ xe và canh đường, S đi bộ vào trong lấy trộm được 04 chân giàn giáo xây dựng bằng sắt của anh Lê Thanh H đang dựng trước cửa nhà số 32, đường P, Khóm H, Phường C, thành phố V, sau đó đem ra ngoài cùng L chở đi, chạy được một đoạn thì đổi cho L điều khiển xe, S ngồi sau ôm 04 chân giàn giáo đem đến dựa phế liệu ở Phường B, thành phố V định bán thì gặp lực lượng Công an Phường B, thành phố V trên đường tuần tra phát hiện, nên đã bị bắt, Công an Phường B, thành phố V chuyển hồ sơ vụ việc cùng tang vật cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V để giải quyết theo thẩm quyền.

Theo kết luận định giá tài sản số: 41/HĐĐG&TTHS, ngày 19/5/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận: 04 chân giàn giáo có giá trị 90.000 đồng (*Chín mươi ngàn đồng*).

Đối với xe mô tô biển kiểm soát số 64B1- 411.27 là xe của bà Nguyễn Thị T (mẹ S) bà T để xe ở nhà S tự lấy đi, bà không biết S sử dụng xe vào mục đích trộm cắp tài sản, nên Cơ quan điều tra đã trả xe cho bà T.

Đối với Huỳnh Trúc S, hành vi vi phạm, giá trị tài sản chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nên đã bị xử lý hành chính, mức phạt 1.500.000 đồng và đã thi hành xong.

Tại bản Cáo trạng số: 71/CT-VKSND-TPV, ngày 14/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, truy tố bị cáo Lê Minh L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Sau khi nghe Kiểm sát viên đọc xong Cáo trạng bị cáo không có ý kiến gì và đồng ý với nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố đối với bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Người đại diện cho bị hại tại phiên tòa có ý kiến không yêu cầu gì đối với bị cáo, vì đã nhận lại tài sản xong.

Sau khi nghe lời trình bày của bị cáo. Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo Cáo trạng số: 71/CT-VKSND-TPV ngày 14/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Lê Minh L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Khi luận tội xong, Kiểm sát viên đề nghị phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù theo tội danh, điều luật mà Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, về phần dân sự Kiểm sát viên đề nghị không xem xét, vì đại diện bị hại không có yêu cầu, không áp dụng hình phạt bổ sung và buộc bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo và đại diện bị hại không có ý kiến tham gia tranh luận.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: “*Bị cáo đã nhận thức được hành vi của bị cáo là sai trái, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo muốn được ở ngoài*”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa bị cáo và đại diện bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung*: Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”:

“*b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*”; bị cáo L đã bị kết án về tội “*Trộm cắp tài sản*” chưa được xóa án tích, lần này tiếp tục có hành vi “*Trộm cắp tài sản*” nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại điều luật nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo, lời nhận tội của bị cáo đã phù hợp với các chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Lê Minh L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị cáo cố ý xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo lén lút lấy tài sản của người khác, tài sản mà bị cáo xâm hại có giá trị được xác định là 90.000 đồng. Ý

thức của bị cáo biết rõ hành vi nêu trên là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo cố tình thực hiện làm cho hậu quả xảy ra, bị cáo từng được cải tạo giáo dục nhưng không sửa đổi, bị cáo có đủ năng lực về nhận thức cũng như điều khiển hành vi của bị cáo, nên bị cáo phải chịu hình phạt do hành vi của bị cáo đã gây ra. Do vậy, hành vi của bị cáo cần phải xử phạt nghiêm, nhằm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội và góp phần ổn định tình hình chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật Hình sự, để cho bị cáo có thời gian học tập, cải tạo, sửa chữa lỗi lầm và trở thành người công dân có ích cho xã hội sau này.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét về nhân thân của bị cáo, bị cáo có nhiều tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, khi phạm tội trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi trả cho bị hại xong, gây thiệt hại về tài sản không lớn, nên có căn cứ cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy Kiểm sát viên đề nghị áp dụng hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và sẽ xem xét, quyết định áp dụng hình phạt cụ thể cho bị cáo trong phần hình phạt và đề nghị của Kiểm sát viên về phần dân sự, vật chứng và án phí là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản nào khác, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm nộp án phí: Bị cáo còn phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Minh L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Minh L - 09 (*chín*) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm nộp án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo và đại diện bị hại có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TP V, tỉnh Vĩnh Long;
- Công an TP V, tỉnh Vĩnh Long;
- CC THA DS TP V, tỉnh Vĩnh Long;
- Bị cáo; đại diện bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Thanh Hồng

